

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**NGÂN HÀNG TMCP
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~4490~~ /2018/EIB-TGD

Ngày ~~19~~ tháng ~~6~~ năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM**

Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam.

Mã chứng khoán: EIB.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM.

Điện thoại: (028) 38210056.

Fax: (028) 38216913.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Tấn Lộc.

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Loại thông tin công bố: Định kỳ **Bất thường** 24h Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), ngày 19/6/2018, Hội đồng quản trị Eximbank đã ban hành Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (đính kèm).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/6/2018 tại đường dẫn <http://eximbank.com.vn/home/Static/quychequantri.aspx>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Vp.HDQT

Tài liệu đính kèm:

- Quyết định số 330/2018/EIB/QĐ-HDQT;

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Trần Tấn Lộc

Số... ~~339~~.../2018/EIB/QĐ-HĐQTTP.HCM, ngày ~~19~~ tháng ~~6~~ năm ~~2018~~**QUYẾT ĐỊNH**V/v ban hành Quy chế quản trị nội bộ
Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam ngày 27/4/2018,

Căn cứ Nghị quyết số ~~329/2018/EIB/QĐ-HĐQT~~ của Hội đồng quản trị ngày ~~19/6/2018~~..**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam.**”**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~19~~./~~6~~./2018. Quyết định số 195/2009/EIB/QĐ-HĐQT ngày 27/8/2009 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu Vp.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ MINH QUỐC

MỤC LỤC

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Nguyên tắc quản trị, điều hành trong toàn hệ thống ngân hàng.....	3
Điều 3. Cơ cấu tổ chức quản lý Ngân hàng.....	3
Điều 4. Giải thích từ ngữ.....	4
Chương II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 5. Quyền của cổ đông phổ thông	4
Điều 6. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	6
Điều 7. Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 9. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 11. Cách thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 12. Thông báo kết quả biểu quyết.....	9
Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 14. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 15. Công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 17. Các vấn đề khác	12
Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 18. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 19. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 21. Các trường hợp và thông báo về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. 14	
Điều 22. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	14
Điều 23. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị.....	15
Điều 24. Các Ủy ban (và Hội đồng) thuộc Hội đồng quản trị	17
Điều 25. Người phụ trách quản trị Ngân hàng.....	17
Chương IV THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT	18
Điều 26. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.....	18
Điều 27. Cách thức cổ đông nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát.....	19

Điều 28. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	19
Điều 29. Các trường hợp và thông báo về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	19
Điều 30. Các quy định khác về Ban kiểm soát	19
Chương V NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG.....	20
Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương.....	20
Điều 32. Trình tự thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương	20
Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương	21
Điều 34. Trình tự, thủ tục ký kết Hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương.....	21
Chương VI PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT - TỔNG GIÁM ĐỐC.....	21
Điều 35. Nguyên tắc phối hợp.....	21
Điều 36. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát	21
Điều 37. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc.....	22
Điều 38. Quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát đối với Tổng giám đốc:.....	22
Chương VII NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN NGÂN HÀNG.....	22
Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và những Người điều hành Ngân hàng khác	22
Điều 40. Giao dịch với người có liên quan.....	23
Chương VIII ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG.....	23
Điều 41. Khen thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng	23
Điều 42. Kỷ luật.....	23
Chương IX SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ HIỆU LỰC QUY CHẾ.....	24
Điều 43. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	24
Điều 44. Ngày hiệu lực.....	24

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 33.0./2018/EIB/QĐ-HĐQT ngày
19/...6.../2018 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (sau đây gọi tắt là “**Quy chế**”) quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Ngân hàng để:

a) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (sau đây gọi tắt là “**Ngân hàng**” hoặc “**Eximbank**”); và

b) Đảm bảo Ngân hàng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các chuẩn mực, thông lệ tốt nhất trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của Ngân hàng quy định tại Điều lệ Ngân hàng bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ có liên quan trong toàn hệ thống của Ngân hàng.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị, điều hành trong toàn hệ thống ngân hàng

Quản trị ngân hàng là hệ thống cấu trúc và quy tắc để đảm bảo Ngân hàng được vận hành và kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Ngân hàng và các cổ đông. Các nguyên tắc quản trị, điều hành cơ bản trong toàn hệ thống Ngân hàng bao gồm:

1. Đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng;
2. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến ngân hàng;
6. Minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng;
7. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
8. Đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, quy định về bảo mật thông tin của Ngân hàng.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức quản lý Ngân hàng

Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ, thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như trong Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Chương II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật và/ hoặc Điều lệ Ngân hàng quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông;

d) Được chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng, cho tổ chức, cá nhân khác hoặc bán lại cổ phần cho Ngân hàng theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Ngân hàng;

h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;

i) Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.


j) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Ngân hàng công bố theo quy định của pháp luật;

l) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng, có các quyền sau đây:

(i) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

(ii) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

(iii) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: 

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý của ngân hàng hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

(iv) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

(v) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

m) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

n) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, theo nguyên tắc:

- (i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- (ii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- (iii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- (iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- (v) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- (vi) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

(vii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;

(viii) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

o) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông của Ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

a) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng;

b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

d) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng;

đ) Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Ngân hàng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Ngân hàng. Ngân hàng có quyền đình chỉ các quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

3. Cổ đông lớn của Ngân hàng còn có nghĩa vụ sau:

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Ngân hàng và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng

2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi đại diện. Trường hợp cổ đông Ngân hàng không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Ngân hàng và chỉ có hiệu lực đối với Ngân hàng kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông;

b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;

d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

đ) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Điều 8. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường trong một số trường hợp nhất định theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

3. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Ngân hàng.

4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:

a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 (năm) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ

chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Điều 9. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông gửi thông báo triệu tập họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông và tuân thủ theo quy định của pháp luật trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.

2. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 11. Cách thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc các phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết bằng thẻ tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được đếm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được đếm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành (đồng ý) hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Khi biểu quyết bằng các phiếu biểu quyết có thể bao gồm nhiều vấn đề cần lấy biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết sẽ được xác lập thành biên bản riêng.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành (đồng ý) Nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành (không đồng ý), cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành (đồng ý), không tán thành (không đồng ý), không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định

Điều 12. Thông báo kết quả biểu quyết

1. Trường hợp biểu quyết công khai tại đại hội: Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

2. Trường hợp biểu quyết bằng bỏ phiếu kín: Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu để công bố trước đại hội.

Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 1 Điều 26 của Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật có liên quan, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 của Điều lệ Ngân hàng; hoặc

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng.

Điều 14. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu như sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành (đồng ý), không tán thành (không đồng ý) và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký;

j) Các nội dung khác theo quy định pháp luật.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

6. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp, tất cả các Nghị quyết, Quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.

Điều 15. Công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và phải được công bố thông tin trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ theo quy định pháp luật.

Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Quy chế này và khoản 2 Điều 31 của Điều lệ Ngân hàng.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành (đồng ý), không tán thành (không đồng ý) và không có ý kiến;

đ) Thời hạn phải gửi về Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành (đồng ý), không tán thành (không đồng ý) và không có ý kiến đối với từng vấn đề;


đ) Các quyết định đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố thông tin trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

9. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) 

tổng số phiếu biểu quyết tán thành (đồng ý).

10. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Các vấn đề khác

1. Hội đồng quản trị sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp họp Đại hội đồng cổ đông hoặc uỷ quyền cho người khác dự họp hoặc các thành viên lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thành viên lưu ký được cổ đông uỷ quyền làm đại diện, thành viên lưu ký phải công khai nội dung được uỷ quyền biểu quyết. Ngân hàng phải hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các cổ đông theo quy định.

3. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 63 Điều lệ Ngân hàng;
- b) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ Ngân hàng;
- c) Có bằng Đại học trở lên;
- d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên đáp ứng các điều kiện theo khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người mà vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình là cổ đông lớn của Ngân hàng, là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;
- d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% (một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng

đ) Không cùng Người có liên quan theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

3. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điều này thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 19. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Ngân hàng, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng;
- f) Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);
- g) Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h) Các thông tin khác (nếu có).

Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với

tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị tại kỳ Đại hội và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ và tỷ lệ tổng số phiếu bầu cho từng ứng cử viên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp Đại hội Đồng cổ đông phải đạt trên 51%.

2. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng (đã đạt tỷ lệ trên 51%) thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau, không áp dụng tỷ lệ trên 51% cho việc bầu lại hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Eximbank.

Điều 21. Các trường hợp và thông báo về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
- b) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị (trong đó nêu rõ lý do từ chức);
- c) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
- d) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;
- đ) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 65, Điều 66 Điều lệ Ngân hàng;
- e) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;
- g) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ Ngân hàng;
- h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ, hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với (các) thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật. Đồng thời, Ngân hàng phải công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 22. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

2. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ lúc nào

nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ban kiểm soát;
- b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người điều hành khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
- d) Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Các trường hợp khác (nếu có) theo quy định của Điều lệ và pháp luật khác có liên quan.

Điều 23. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị

Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này, với các nội dung chính như sau:

1. Thông báo họp:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp.

b) Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

c) Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Điều kiện tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị

a) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

b) Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.

c) Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

(i) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

(ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy

được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

3. Cách thức biểu quyết;

a) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.

d) Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại khoản 1 Điều 68 Điều lệ sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

4. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành (đồng ý), bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.

5. Ghi và thông qua Biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

(iii) Thời gian, địa điểm họp;

(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

(v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

(vi) Tóm tắt ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành (đồng ý), không tán thành (không đồng ý); không có ý kiến và có ý kiến khác;

(viii) Các quyết định đã được thông qua;

(ix) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

b) Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị hoặc một người khác do Hội đồng quản trị chỉ định chịu trách nhiệm ghi Biên bản các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

đ) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Ngân hàng.

e) Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.

g) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

6. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Ngay sau khi Hội đồng quản trị thông qua các quyết định, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo cho các bộ phận liên quan để triển khai thực hiện.

Điều 24. Các Ủy ban (và Hội đồng) thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban (và Hội đồng) để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và theo quy định của pháp luật. Trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự.

2. Chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban (và Hội đồng) thực hiện theo quy chế hoạt động của Ủy ban (và Hội đồng) do Hội đồng quản trị ban hành từng thời kỳ phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 25. Người phụ trách quản trị Ngân hàng

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Ngân hàng để hỗ trợ hoạt động quản trị của Ngân hàng được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của Hội đồng quản trị

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Ngân hàng tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng.

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng.

Chương IV

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 26. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Điều lệ Ngân hàng;

2. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ theo quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ Ngân hàng;

3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;

4. Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng.

5. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

6. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng;

7. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó;

8. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điều này, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan

Điều 27. Cách thức cổ đông nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự như việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị quy định Điều 19 của Quy chế này.

Điều 28. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự như cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định Điều 20 của Quy chế này.

Điều 29. Các trường hợp và thông báo về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);
- c) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ Ngân hàng;
- d) Không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- đ) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 60 Điều lệ Ngân hàng;
- e) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;
- g) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan.

2. Trường ban và thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với (các) thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật. Đồng thời Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 30. Các quy định khác về Ban kiểm soát

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, việc thông qua quyết định của Ban kiểm soát, trình tự thủ tục tổ chức cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của Ban kiểm soát và các quy định khác về Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ, theo các văn bản nội bộ khác và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương V
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương

1. Tổng giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 63 Điều lệ Ngân hàng;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ theo quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ Ngân hàng;
 - c) Có bằng Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
 - d) Có ít nhất 05 (năm) năm làm người điều hành của Ngân hàng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần theo quy định của pháp luật và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;

đ) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 63 Điều lệ Ngân hàng; đối với Phó Tổng giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 63 Điều lệ Ngân hàng;

b) Có đạo đức nghề nghiệp; ngoài ra, đối với Phó Tổng giám đốc, yêu cầu phải tuân thủ theo quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ Ngân hàng;

c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:

(i) Có bằng Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc

(ii) Có bằng Đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều này, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 32. Trình tự thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương

1. Hội đồng quản trị thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định nội bộ

khác của Eximbank.

2. Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương do Hội đồng Quản trị ban hành từng thời kỳ.

Điều 33. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương được Ngân hàng thực hiện theo Điều lệ, các quy chế nội bộ đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

Điều 34. Trình tự, thủ tục ký kết Hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương

Việc ký kết Hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các chức danh tương đương được Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.

Chương VI PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 35. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Ngân hàng.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật và Ngân hàng.
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 36. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng, quan hệ làm việc với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban kiểm soát.

3. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

4. Trưởng Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra tại cuộc họp nhưng không có quyền biểu quyết

5. Các Nghị quyết và Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

7. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp Ban kiểm soát, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản của Chủ tịch hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến.

8. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.

Điều 37. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ quản lý và giám sát đối với hoạt động của Tổng giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Ngân hàng và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát.

Điều 38. Quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát đối với Tổng giám đốc:

1. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Tổng giám đốc phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Chương VII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN NGÂN HÀNG

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và những Người điều hành Ngân hàng khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và những Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và

những Người điều hành khác và những Người có liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban điều hành và những Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những Người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó kể cả trong trường hợp lợi ích của mình trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất.

Điều 40. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Ngân hàng phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Ngân hàng và gây tổn hại cho lợi ích của Ngân hàng.

3. Ngân hàng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của ngân hàng.

Chương VIII

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG

Điều 41. Khen thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân.

2. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc các nhân được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 42. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người điều hành Ngân hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định pháp luật có

liên quan, Điều lệ và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng.

2. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo Quy định khen thưởng, kỷ luật của Ngân hàng tại từng thời kỳ.

Chương IX **SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ HIỆU LỰC QUY CHẾ**

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

Điều 44. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm chín (IX) Chương, 44 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng.
3. Các bản sao hoặc trích lục của Quy chế này có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định về văn thư của Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. /

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Minh*



Lê Minh Quốc